



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 10 tháng 06 năm 2018

THƯ MỜI

Kính gửi: Quý Công ty

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) có nhu cầu mua sắm máy ATM phục vụ hoạt động kinh doanh cho các đơn vị SHB. Trân trọng kính mời Quý Công ty tham dự chào thầu gói thầu “Cung cấp máy giao dịch tự động ATM năm 2018”.

Quý Công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin cần thiết trong Hồ sơ mời thầu, xin vui lòng tới địa chỉ: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, tầng M2, Toà nhà 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Hồ sơ chào thầu được niêm phong dán kín và xin vui lòng gửi về địa chỉ trên trước ~~45~~⁴⁵ ngày ~~12~~¹² tháng ~~07~~⁰⁷ năm 2018.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Nguyễn Văn Lợi - Chuyên viên Ban Hành chính quản trị

- Điện thoại: 02438223838, máy lẻ: 1029
- Điện thoại di động: 01236816688

Trân trọng cảm ơn./.

th NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI *th*



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Chu Hà

w *th*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU
CUNG CẤP MÁY ATM NĂM 2018 CHO NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2018

th **NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI** *th*



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Chu Hà

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Hàng hóa	Là máy ATM, UPS, Bộ khay tiền dự phòng theo yêu cầu của SHB

PHẦN I
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

CHƯƠNG I
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung đấu thầu

1. SHB mời nhà thầu tham gia đấu thầu để cung cấp máy ATM, UPS và Hộp tiền dự phòng (sau đây gọi tắt chung là "hàng hóa") cho gói thầu thuộc dự án nêu tại BDL. Tên gói thầu và nội dung cung cấp chủ yếu được mô tả trong BDL.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng được quy định trong BDL.

Mục 2. Nguồn vốn

Nguồn vốn để thực hiện gói thầu được quy định trong BDL.

Mục 3. Điều kiện tham gia đấu thầu

1. Có tư cách hợp lệ như quy định trong BDL;

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

3. Đáp ứng yêu cầu của SHB nêu trong thông báo mời thầu;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong BDL.

Mục 4. Tính hợp lệ của hàng hóa

1. Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

2. Xuất xứ của hàng hóa được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa được khai thác, trồng, canh tác, sản xuất, chế tạo hoặc tại đó thông qua việc chế biến, lắp ráp, chế tạo bổ sung để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại nhưng có sự khác biệt đáng kể về bản chất so với các chi tiết cấu thành nó.

Mục 5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Mục 6. HSMT và giải thích làm rõ HSMT

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến SHB theo địa chỉ và thời gian ghi trong BDL (nhà thầu có thể thông báo trước cho SHB qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong BDL, SHB sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMT.

3. Trong trường hợp cần thiết, SHB tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được SHB ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT.

Mục 7. Sửa đổi HSMT

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc điều chỉnh yêu cầu nào đó, SHB sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu nhận HSMT trước thời điểm đóng thầu một số ngày nhất định được quy định trong BDL. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho SHB bằng văn bản hoặc fax là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó. Trường hợp nhà thầu thông báo bằng fax thì sau đó bản gốc phải được gửi đến SHB trước thời điểm đóng thầu.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 8. Ngôn ngữ sử dụng

Ngôn ngữ được sử dụng trong các tài liệu của HSDT là tiếng Việt. Các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt và bản tiếng Việt là cơ sở pháp lý trong HSDT (tài liệu sử dụng các ngôn ngữ khác chỉ có tính chất tham khảo). Đối với Catalog và các tài liệu kỹ thuật khác có thể sử dụng bằng tiếng Anh.

Mục 9. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm 01 bản gốc + 03 bản sao, các HSDT được lưu dưới dạng điện tử bằng định dạng words và được lưu trong (01) đĩa CD. Trong trường hợp có mâu thuẫn, bản gốc có giá trị quyết định, được đóng niêm phong theo quy định tại mục 19 của HSMT, bao gồm các nội dung sau :

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này;
2. Giá dự thầu và biểu giá, đồng tiền dự thầu theo quy định tại Mục 12 và 13 Chương này;
3. Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật theo điểm B2, chương IV, Phần II, HSMT.
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 14 Chương này;
5. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa theo quy định tại Mục 15 Chương này;
6. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 16 Chương này.

Mục 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải thông báo bằng văn bản tới SHB. SHB chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo này trước

thời điểm đóng thầu. Việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu được thực hiện khi có chấp thuận của SHB trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp không chấp thuận việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu của nhà thầu thì SHB sẽ nêu rõ lý do bằng văn bản.

Mục 11. Đơn dự thầu

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo giấy ủy quyền để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

Mục 12. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết theo điều 6 BDL - HSMT

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho SHB trước hoặc tại thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho từng hạng mục trong biểu giá.

3. Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục hàng hóa và tổng giá dự thầu. Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào theo quy định trong BDL, biểu giá chi tiết theo quy định tại Điều II, chương V, Phần III. HSMT.

Mục 13. Đồng tiền dự thầu

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong BDL.

Mục 14. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như quy định trong BDL.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu như quy định trong BDL.

3. Các hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện được cung cấp cho SHB theo yêu cầu quy định trong BDL;

Mục 15. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa.

1. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu theo quy định trong BDL để chứng minh hàng hóa được cung cấp là đáp ứng yêu cầu của HSMT

2. Các tài liệu khác được quy định trong BDL.

Mục 16. Bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng.

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong BDL.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên nhà thầu, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định trong BDL. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả và xử lý theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhà thầu rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;
- b) Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của SHB mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng;
- c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định trong BDL để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 17. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải đảm bảo như quy định trong BDL và được tính từ thời điểm đóng thầu; HSDT có thời gian có hiệu lực ngắn hơn bị coi là không hợp lệ và bị loại.

2. SHB có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT nhưng không quá 30 ngày, kèm theo việc yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Mục 18. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản sao HSDT được quy định trong BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản sao" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu SHB phát hiện bản sao có lỗi kỹ thuật như nhoè, không rõ chữ, thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản sao có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, SHB sẽ quyết định xử lý cho phù hợp. Chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại.

2. HSDT phải được đánh máy. in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá, biểu giá chào và các văn bản bổ sung làm rõ HSDT của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xoá hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 19. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của SHB được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi nhỏ để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 mục này. SHB sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại khoản 1, khoản 2 mục này.

Mục 20. Thời hạn nộp HSDT

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của SHB nhưng phải đảm bảo SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong BDL.

2. SHB có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Mục 7 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi SHB xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, SHB thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nộp HSDT, trong đó ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu sửa lại thời gian có hiệu lực của HSDT và bảo đảm dự thầu nếu thấy cần thiết. Nhà thầu có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì SHB quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

Mục 21. HSDT nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDT kể cả thư giảm giá (nếu có) mà SHB nhận được sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của SHB.

Mục 22. Sửa đổi hoặc rút HSDT

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và SHB chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 23. Mở thầu

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. SHB có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. SHB tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như nhà thầu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn. HSDT của nhà thầu có văn bản xin rút HSDT đã nộp (nộp riêng biệt với HSDT và SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu) và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hoặc không có thư giám giá kèm theo hồ sơ dự thầu của mình.

b) Kiểm tra niêm phong HSDT ;

c) Mở HSDT và đọc các thông tin về :

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giảm giá (nếu có);
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm c Khoản 3 mục này phải được ghi trong biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của SHB và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Bản chụp Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 24. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và

kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Tất cả các tài liệu này (nếu có) phải được đóng tập và thực hiện như đối với HSDT (ký tên, chứng thực, số bản gốc, số bản sao,...). Thời gian cho phép nhà thầu tự giữ hồ sơ bổ sung này không quá 07 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ hợp lệ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

Mục 25. Đánh giá sơ bộ HSDT

I. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu:

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

II. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT, gồm:

a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp của hồ sơ dự thầu.

b. Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Đơn dự thầu, thoả thuận liên danh (nếu có), giấy uỷ quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu;

c. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

a. Có bản gốc hồ sơ dự thầu;

b. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về mặt kỹ thuật; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá trị dự thầu ghi trong biểu tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho SHB, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại

diện hợp pháp của từng thành viên ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thoả thuận liên danh.

c. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; đối với bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh ngân hàng thì phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Việt Nam ký tên, đóng dấu và đảm bảo thời gian hiệu lực và giá trị bảo đảm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

đ. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).

e. Có thoả thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu.

f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hoá theo quy định tại Mục 4 và Mục 15 HSMT:

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1**

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương III

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

Mục 26. Đánh giá về mặt kỹ thuật

SHB tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCDG nêu tại Chương III. Các HSDT đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật sau khi được phê duyệt mới được xác định giá đánh giá.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

Mục 27. Xác định giá đánh giá

SHB xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì SHB sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá trị thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Chương III HSMT.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**.

Mục 28. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi khác và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

b) Đối với các lỗi khác:

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;

- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;

- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục 29 Chương này.

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, SHB sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho SHB về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Trường hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

Mục 29. Hiệu chỉnh các sai lệch

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT cũng như điều chỉnh những khác biệt giữa các phần của HSDT; giữa đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính; giữa con số và chữ viết; giữa nội dung trong đơn dự thầu và các phần khác của HSDT. Việc hiệu chỉnh các sai lệch được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Trong trường hợp các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật cũng không có hoặc chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc của các HSDT hoặc trong dự toán, tổng dự toán hoặc trong giá gói thầu được duyệt theo nguyên tắc lấy mức giá cao nhất (đối với chào thiếu) hoặc thấp nhất (đối với chào thừa) để áp dụng cho các nội dung nêu trên;

b) Trường hợp có sai lệch giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

c) Trường hợp không nhất quán giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

d) Trường hợp có sự sai khác giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì được coi đây là sai lệch và việc hiệu chỉnh sai lệch này được căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

2. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

E. TRÚNG THẦU

Mục 30. Điều kiện được xem xét trúng thầu: Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu (Theo mục 29 HSMT);
5. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Mục 31. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDT

Bên mời thầu được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Mục 32. Thông báo kết quả đấu thầu

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, SHB gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, SHB không giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

Mục 33. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng căn cứ theo các nội dung sau:
 - Kết quả đấu thầu được duyệt;
 - Dự thảo hợp đồng đã được điền đầy đủ thông tin cụ thể của gói thầu;
 - Các yêu cầu nêu trong HSMT;
 - Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
 - Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa SHB và nhà thầu trúng thầu.
2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại BDL, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho SHB thư chấp thuận thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu SHB không nhận được thư chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 16. Đồng thời, SHB sẽ báo cáo đến

cấp có thẩm quyền quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và xem xét, quyết định nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được SHB yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, trên nguyên tắc đảm bảo giá ký hợp đồng không vượt giá trúng thầu được duyệt. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, phương án thay thế (nếu có yêu cầu), chi tiết hoá các nội dung còn chưa cụ thể, ...

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, SHB và nhà thầu sẽ tiến hành ký hợp đồng.

CHƯƠNG II

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

Bảng dữ liệu đầu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Điều tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

Điều	Khoản	Nội dung
1	1	Tên gói thầu: “Cung cấp máy giao dịch tự động ATM năm 2018” Nội dung cung cấp: Cung cấp máy ATM, thiết bị lưu điện (UPS), Bộ hộp tiền dự phòng cho SHB
	2	Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.
	3	Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Mã số thuế: 1800278630 Nơi nhận hồ sơ dự thầu: Ban Hành chính Quản trị, Tầng M2, số 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Người liên hệ: Điện thoại: Mobile:
2		Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Nguồn vốn tự có của SHB
3	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải có đủ các điều kiện sau: - Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Hạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Không chào giá dự thầu theo nhiều mức giá khác nhau hoặc kèm điều kiện gây bất lợi cho SHB. - Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu.
	2	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính với SHB (Trường hợp liên danh thì từng nhà thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính). Nhà thầu cần xem kỹ mọi hướng dẫn, mẫu khai, thời hạn và các thông tin khác trong HSMT. HSMT của Nhà thầu có thể bị loại nếu không cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết hay hồ sơ đó về cơ bản không đạt yêu cầu của HSMT.
4		Địa chỉ nhận văn bản đề nghị giải thích, làm rõ: Nêu tại Điều 1 Khoản 3 của BDL. Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích không muộn hơn 04 ngày trước thời điểm đóng thầu.
5		SHB có quyền sửa đổi HSMT bằng cách phát hành phần bổ sung với bất kỳ lý do nào và tại

Điều	Khoản	Nội dung
		<p>bất kỳ thời điểm nào trước hạn nộp HSDT.</p> <p>Tất cả các bên tham gia đấu thầu đều được thông báo về phân bổ sung bằng văn bản và họ sẽ bị ràng buộc bởi phân bổ sung này.</p> <p>Để nhà thầu có đủ thời gian điều chỉnh HSDT thích ứng với phân sửa đổi, SHB sẽ gia hạn thời gian nộp HSDT, nếu cần thiết. Mọi bổ sung đưa ra trong vòng 03 ngày trước thời điểm đóng thầu.</p>
6		<p>Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trước thuế. - Thuế (các loại thuế theo quy định của Nhà nước). - Giá sau thuế. <p>* Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận hành, hướng dẫn sử dụng, tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ, xử lý các sự cố kỹ thuật (nếu có). - Bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày nghiệm thu bàn giao. - Các chi phí khác có liên quan đến phạm vi cung cấp hàng hoá.
7		<p>Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).</p>
	1	<p>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải nộp bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. - Trường hợp liên danh: Ngoài việc từng nhà thầu nộp các giấy tờ như quy định đối với nhà thầu độc lập, nhà thầu liên danh phải nộp kèm theo văn bản thỏa thuận liên giữa các nhà thầu được ký bởi đại diện hợp pháp của các nhà thầu trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng nhà thầu đối với gói thầu. - Có giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của người đại diện nhà thầu trong đơn dự thầu.
8	2	<p>Năng lực và kinh nghiệm: Nhà thầu phải đáp ứng hoặc cung cấp các tài liệu sau nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp máy ATM và các dịch vụ sửa chữa, bảo trì cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng... - Cung cấp ít nhất 03 hợp đồng mua bán máy ATM/CDM/RDM (bản sao công chứng) trong 03 năm gần nhất, mỗi hợp đồng có giá trị không thấp hơn 03 tỷ đồng. - Nhà thầu phải cung cấp bản sao hợp đồng lao động còn hiệu lực có xác nhận sao y bản chính của các cán bộ kỹ thuật tham gia triển khai phần cứng và tích hợp phần mềm máy ATM. Nhà thầu phải cung cấp bằng cấp chứng chỉ liên quan đến cán bộ triển khai này. (Nhà thầu phải có tối thiểu 15 cán bộ phần cứng và 05 cán bộ phần mềm để triển khai dự án). Nhà thầu cử 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mỗi triển khai dự án ./. - Bản sao y công chứng giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất, nhà phân phối cho đơn vị cung cấp. - Nhà thầu phải có trụ sở chính hoặc chi nhánh ở Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh để hỗ trợ

Điều	Khoản	Nội dung
		<p>kỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giao hàng: chậm nhất 8 -10 tuần kể từ ngày ký hợp đồng. <p>Năng lực tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ: 05 tỷ đồng trở lên - Báo cáo tình hình tài chính (sao y công chứng) có xác nhận của cơ quan kiểm toán trong 02 năm gần nhất, đảm bảo phải có lãi - Có bản cam kết tuân thủ các điều kiện thanh toán theo quy định tại Điểm 1 điều IV. chương V, Phần III, HSMT. - Bảo lãnh dự thầu theo quy định tại Điều 10, Khoản 1 BDL
9	1	<p>Tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa</p> <p>Toàn bộ máy ATM do nhà thầu chào giá phải là máy nhập khẩu chính hãng và chính ngạch và đầy đủ các giấy tờ chứng minh :</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng. Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2018 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian 01 năm kể từ ngày chào giá. ➢ Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ), chứng nhận xuất xứ hàng hóa(CO) kèm theo : Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng. ➢ Các thiết bị cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành 36 tháng.
	2	<p>Nhà thầu phải cung cấp Catalog máy ATM để đảm bảo các thông số kỹ thuật trong catalog phù hợp với thông số kỹ thuật do nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu.</p>
10	1	<p>Nội dung yêu cầu về bảo lãnh dự thầu:</p> <p>Nhà thầu phải nộp kèm theo HSDT bảo lãnh dự thầu có giá trị là 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng chẵn).</p> <p>Hiệu lực bảo lãnh: 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu theo quy định</p> <p>Hình thức bảo lãnh: Phát hành thư bảo lãnh hoặc nộp tiền mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp phát hành thư bảo lãnh: Thư bảo lãnh của một Ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam - Mở tài khoản Ký quỹ bảo lãnh dự thầu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội – Trụ sở chính. <p>Bảo lãnh dự thầu của nhà thầu trúng thầu sẽ hết hiệu lực khi nhà thầu ký hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
	2	<p>Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu.</p>
	3	<p>Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo kết quả thương thảo, thống nhất giữa hai bên. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo đảm của một ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam:

Điều	Khối	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tối thiểu 120 ngày kể từ khi phát hành; trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu nhà thầu muốn gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì phải gia hạn thời gian bảo lãnh tương ứng ; hoặc khi SHB yêu cầu gia hạn nhà thầu phải cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu.
11		Thời gian có hiệu lực của HSDT là 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.
12		<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải cung cấp một (01) bản hồ sơ gốc bằng văn bản và Bốn (04) bản sao cũng bằng văn bản, đóng dấu rõ “Hồ sơ bản gốc” hay “Hồ sơ bản sao”, các HSDT được được lưu dưới dạng điện tử bằng định dạng words và được lưu trong (01) đĩa CD. Trong trường hợp có mâu thuẫn, bản gốc có giá trị quyết định.
13		<p>Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT:</p> <p>Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà thầu</p>
14		HSDT được gửi đến SHB không muộn hơn 15h, ngày tháng năm 2018. Hồ sơ nhận sau thời hạn quy định sẽ không được mở, bị loại và gửi trả nguyên vẹn cho Nhà thầu.
15		Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc 15h15', ngày tháng năm 2018 tại địa chỉ số 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
16		Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo trúng thầu.

Chương III
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG
XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU

<u>Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1</u>			
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU			
Hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại, không xem xét tiếp nếu có 1 trong các nội dung sau đây không đáp ứng:			
TT	Nội dung	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Tính hợp lệ của đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11. chương I, phần I.		
2	Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh theo quy định tại Khoản 2 Mục 3 (nếu có); chương I, phần I.		
3	Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo khoản 1 Điều 8 – BDL, chương II		
4	Tính hợp lệ, sự đáp ứng của hàng hóa nêu tại Mục 15, chương I, phần I.		
5	Có đủ 01 bản gốc và 03 bản chụp HSDT, 01 CD		
6	Bảo đảm dự thầu theo quy định		
7	Biểu giá chào theo quy định (đủ số lượng, giá chào bao gồm cả thuế, ...)		
8	Đồng tiền dự thầu phải là tiền Việt Nam Đồng		

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

* Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về năng lực kinh nghiệm khi tất cả các nội dung dưới đây được đánh giá đạt:

Stt	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm:	
	a) Số lượng các hợp đồng tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc một thành viên của liên danh trong 03 năm gần nhất	Tối thiểu 03 hợp đồng có giá trị mỗi hợp đồng không thấp hơn 3 tỷ đồng.
	b) Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp máy và các dịch vụ sửa chữa, bảo trì ATM cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng	Tối thiểu 05 năm. Trong trường hợp liên danh, từng nhà thầu cũng phải đáp ứng yêu cầu trên.
	a) Có mối quan hệ với nhà sản xuất hoặc nhà phân phối	Có Bản sao y công chứng giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất/ nhà phân phối cho đơn vị cung cấp hoặc trong trường hợp nhà thầu được lựa chọn phải có cam kết hỗ trợ từ hãng hoặc nhà phân phối.
b) Cán bộ triển khai	Nhà thầu phải cung cấp bản sao hợp đồng lao động còn hiệu lực có xác nhận sao y bản chính của các cán bộ kỹ thuật tham gia triển khai phần cứng và tích hợp phần mềm máy ATM. Nhà thầu phải có tối thiểu 15 chuyên gia kỹ thuật có kinh nghiệm trong việc triển khai hệ thống ATM, trong đó có ít nhất 05 chuyên gia có chứng chỉ phù hợp do hãng sản xuất cấp (cung cấp giấy tờ chứng minh);	
c) Hỗ trợ kỹ thuật	Nhà thầu phải chứng minh có mạng lưới bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tại tối thiểu 03 thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh. Ưu tiên nhà thầu có văn phòng bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tại Tỉnh/TP có CN/PGD của SHB hoạt động.	
d) Thời gian giao hàng	Chậm nhất 8-10 tuần kể từ ngày ký hợp đồng	

	e)Cung cấp tài liệu	- Giấy cam kết trách nhiệm của nhà sản xuất về các sản phẩm dự thầu đối với các khiếu kiện của bên thứ ba. - Cam kết đáp ứng phạm vi cung cấp, tiến độ triển khai, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật sau khi ký hợp đồng theo đúng qui định của HSMT.
3	Năng lực tài chính	
	a)Vốn điều lệ của nhà thầu	Tối thiểu 05 tỷ đồng
	b) Báo cáo tình hình tài chính (sao y công chứng) có xác nhận của cơ quan kiểm toán trong 02 năm gần nhất	Phải có lãi
	c) Cam kết tuân thủ các điều kiện thanh toán	Có bản cam kết theo quy định tại điểm 1, điều IV, chương V Phần III HSMT
	d) Bảo lãnh dự thầu	Có bảo lãnh dự thầu
	e) Bảo lãnh hoàn tạm ứng	Có bảo lãnh hoàn tạm ứng quy định tại điều V, Chương V, Phần III HSMT.
4	Năng lực cung cấp	
	Điều kiện giao hàng	Đáp ứng yêu cầu tại điều III, Chương V. Phần III HSMT
5	Các yêu cầu khác	Đáp ứng các cam kết yêu cầu của SHB tại Điểm 3, điều IV, chương V, Phần III HSMT
	Kết luận	Đạt/Không đạt

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỐI THIỂU ĐÁP ỨNG	GHI CHÚ
CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT				
I	YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ			
a	Yêu cầu chung	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	
b	Yêu cầu về kỹ thuật thiết bị ATM	770	660	
1	Đáp ứng tiêu chuẩn	30	24	
2	Phần mềm	70	57	
3	Cấu hình máy tính điều khiển	60	30	
4	Màn hình hiển thị	40	36	
5	Đầu đọc thẻ	50	41	
6	Bộ phận trả tiền, đếm tiền	110	96	
7	Camera	60	46	
8	Máy in hóa đơn	15	15	
9	Kết sắt an toàn	40	40	
10	Khay đựng tiền và khay đựng tiền dự phòng	35	29	
11	Bàn phím	70	66	
12	Môi trường làm việc	30	30	
13	Tính năng khác	90	90	
c	Yêu cầu về UPS (thiết bị lưu điện)	70	60	
II	Lắp đặt và triển khai	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	
III	Đào tạo và chuyển giao	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	
IV	Kiểm tra, bàn giao và nghiệm thu	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	
V	Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	Tuyên bố đáp ứng/ Không đáp ứng	

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4

XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

Stt	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá dự thầu	Theo Mục 12 Chương I
2	Sửa lỗi	Theo Mục 28 Chương I
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	Theo Mục 29 Chương I
4	Giá trị giảm giá (nếu có)	Theo thư giảm giá của nhà thầu
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá	Tổng của giá trị các nội dung (1)+(2)+(3)+(4)
6	Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có)	Không áp dụng (Nhà thầu phải chào bằng tiền Việt Nam đồng)
7	Giá đánh giá	Giá trị nội dung mục 5

PHẦN II

CHƯƠNG IV

YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP, MỤC TIÊU VÀ KỸ THUẬT

Phạm vi cung cấp : SHB có nhu cầu mua sắm máy ATM, UPS và khay tiền dự phòng, cụ thể như sau ::

Loại thiết bị	Số lượng	Đơn vị
Máy ATM để sảnh , tiếp tiền cửa trước.	20	Chiếc
Máy ATM loại xuyên tường (loại máy tiếp tiền cửa sau)	10	Chiếc
Bộ lưu điện – UPS dùng cho máy ATM	30	Chiếc
Bộ khay tiền dự phòng máy ATM	30	Bộ

A. MỤC TIÊU, PHẠM VI GÓI THẦU

A.1. Mục tiêu của gói thầu

- Cung cấp, lắp đặt, cấu hình, thử nghiệm, triển khai và đào tạo hệ thống ATM cho SHB đảm bảo đạt chất lượng theo đúng tiêu chuẩn của hãng sản xuất đưa ra và đáp ứng yêu cầu của SHB:
 - Tương thích và đáp ứng đầy đủ các chức năng, dịch vụ của hệ thống SHB hiện có;
 - Triển khai ATM chấp nhận thanh toán thẻ từ và thẻ chip EMV, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tổ chức thẻ trong nước và quốc tế mà SHB tham gia.
- Cung cấp các khóa đào tạo, chuyên gia công nghệ cho cán bộ của SHB có thể vận hành và quản trị hệ thống;
- Bảo hành và bảo trì thiết bị theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của hãng.

A.2. Phạm vi của gói thầu

- Triển khai hệ thống ATM trên toàn hệ thống SHB;
- ATM được lắp đặt tại các địa điểm do SHB chỉ định, danh sách các điểm đặt thiết bị sẽ được SHB gửi cho Nhà thầu khi triển khai cụ thể.

A.3 Tiến độ của gói thầu.

- Hoàn thành việc cấu hình hệ thống, tích hợp với môi trường thử nghiệm hệ thống Chuyển mạch và Quản lý thẻ của SHB theo yêu cầu của SHB tối đa 08 tuần kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng;
- Hoàn thành việc bàn giao hàng hóa tại kho của nhà thầu trong vòng tối đa 10 tuần kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng. Khuyến khích Nhà thầu có thời gian giao hàng và triển khai sớm;
- Hoàn thành việc triển khai chính thức theo tiến độ của SHB (Trong vòng 08 tháng kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng).

A.4 Mô hình triển khai.

- Các ATM được đặt tại các điểm giao dịch của SHB sẽ kết nối vào hệ thống mạng nội bộ tại điểm giao dịch, sau đó thông qua mạng WAN nội bộ để kết nối tới trung tâm tại Trụ sở chính;
- Các ATM được đặt tại các địa điểm nằm ngoài điểm giao dịch của SHB sẽ được kết nối đến điểm giao dịch gần nhất của SHB và thông qua mạng WAN ở điểm giao dịch này kết nối tới trung tâm tại Trụ sở chính.

A.5 Địa điểm dự kiến triển khai.

- Theo danh sách các địa điểm SHB chỉ định triển khai hệ thống ATM;
- *Chi phí lưu kho và vận chuyển do Nhà thầu chịu.*

B. YÊU CẦU KỸ THUẬT

B.1. Các yêu cầu chung.

- Các thiết bị phải là chính hãng, nhập khẩu chính ngạch;
- Các thiết bị phải đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng. Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2018 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian 01 năm kể từ ngày chào giá;
- Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ), chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo: Part Number, Serial Number, phiếu bảo hành... của chính hãng;
- Thiết bị phải được cài đặt các chương trình ứng dụng đáp ứng yêu cầu triển khai vận hành dịch vụ Ngân hàng;
- Đảm bảo các yêu cầu về tính bảo mật, toàn vẹn dữ liệu cho các giao dịch tài chính;
- Nhà Thầu cung cấp danh sách các Ngân hàng đã triển khai chính thức thiết bị tương tự tại Việt Nam và số lượng đi kèm, trong trường hợp nếu có sự thay đổi thiết bị, linh kiện hoặc chi tiết mới chưa sử dụng ở Việt Nam, đề nghị Nhà Thầu làm rõ; Thường xuyên hoặc cập nhật với SHB theo yêu cầu các thông tin liên quan đến rủi ro hoạt động ATM và các giải pháp khắc phục, phòng chống hợp lý;
- Cung cấp giải pháp chống hờ điện, điện giật.

B.2. Yêu cầu về kỹ thuật thiết bị.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn:
 - Chuẩn thông điệp: hỗ trợ chuẩn thông điệp NDC/NDC+ đảm bảo tương thích với hệ thống chuyển mạch tài chính và quản lý thẻ SmartVista của SHB;
 - Đáp ứng chuẩn XFS mới nhất;
 - Đáp ứng chuẩn PCI DSS mới nhất;
 - Phần cứng và phần mềm đáp ứng tiêu chuẩn EMV Level 1 và Level 2 phiên bản mới

nhất và phù hợp, tại thời điểm triển khai lấy chứng nhận với tổ chức thẻ quốc tế.

- Phần mềm:

- Hệ điều hành: Windows 7 trở lên;
- Phần mềm kèm theo thiết bị phải là phần mềm có phiên bản mới nhất, đảm bảo khai thác đầy đủ các tính năng của ATM;
- Hỗ trợ các phần mềm ứng dụng khác như: Flash, firewall, phần mềm an ninh, bảo mật,...;
- Đảm bảo khả năng cài đặt, cấu hình, chỉnh sửa một cách thuận tiện, hợp lý, dễ dàng;
- Cho phép tạo bộ backup ứng dụng hoàn chỉnh (bao gồm hệ điều hành và các ứng dụng) và có thể cài đặt trên nhiều máy ATM;
- Các phần mềm đi kèm phải có bản quyền sử dụng vĩnh viễn chuyển cho SHB và phải được cung cấp miễn phí bản vá, sửa lỗi (nếu có) của Hãng;
- Có chế độ phân quyền cho việc sử dụng (ít nhất 2 cấp người quản trị và người vận hành) phần mềm điều khiển ATM, có chế độ bảo mật cho từng User truy nhập vào máy ATM;
- Ưu tiên có phần mềm anti-virus chuyên nghiệp cho ATM (kèm theo license cho từng máy);

- Cấu hình máy tính điều khiển:

- Đáp ứng tối thiểu CPU Intel core i3 Processor, 4GB RAM DDR, HDD 2 x 500GB;
Có trang bị ổ DVD/RW;
- Giao tiếp theo chuẩn TCP/IP;
- Giao tiếp theo chuẩn USB với các thiết bị ngoại vi.

- Màn hình hiển thị:

- Màn hình LCD tối thiểu 15 inch, tối thiểu 16 bit màu, độ phân giải tối thiểu 800x600;
- Trong trường hợp máy ATM dạng xuyên tường, yêu cầu có thêm màn hình hỗ trợ vận hành ATM, kích thước tối thiểu 10 inch. Trường hợp Nhà thầu có lựa chọn màn hình LCD cảm ứng, yêu cầu Nhà thầu mô tả và chào giá thêm cho lựa chọn này;
- Màn hình giao dịch của ATM được cấu tạo bao gồm 2 lớp: Lớp ngoài là 1 filter cứng nhằm bảo vệ màn hình bên trong và có chức năng chống phản chiếu ánh sáng mặt trời, chống chói cho màn hình giao dịch. Lớp trong là màn hình LCD, góc nhìn hẹp chống nhìn trộm.
- Có 08 phím chức năng đi kèm màn hình giao dịch.

- Đầu đọc thẻ:

- Đầu đọc thẻ phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau hoặc cao hơn:
- Sử dụng đầu đọc thẻ kiểu mô-tơ cuộn – Motorized Card Reader;

- Giao dịch với thẻ từ và thẻ chip tiêu chuẩn EMV;
- Có khả năng chống đọc trộm, câu trộm thông tin;
- Có khả năng trả thẻ khi mất nguồn;
- Có đèn thông báo trạng thái;
- Có khay giữ thẻ bị nuốt.

- Bộ phận trả, đếm tiền:

- Cơ chế trả tiền ma sát hoặc chân không;
- Tiền được xếp thành bó trước khi trả tiền cho khách hàng. Cơ chế loại tiền không đạt tiêu chuẩn, chống kẹp díp. Lượng tiền loại không được quá 3% trên tổng số tờ trả ra đối với tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông theo đúng các khuyến cáo của nhà sản xuất;
- Tốc độ trả tiền: tối thiểu 5 tờ/1 giây;
- Số tờ tối đa trong 1 lần giao dịch: tối thiểu 40 tờ;
- Đáp ứng số lượng giao dịch với tần suất cao, trung bình 1.000 (một nghìn) giao dịch rút tiền trên một máy ATM trong 01 ngày;
- Ưu tiên Công nghệ single reject;

- Camera:

- Yêu cầu có 2 camera: 1 camera ghi lại hình ảnh (khuôn mặt) khách hàng, 1 camera ghi lại hình ảnh khách hàng lấy tiền từ ATM;
- Có khả năng ghi lại hình ảnh trong điều kiện có cường độ ánh sáng từ 1 Lux đến 32 000 Lux (điều kiện ánh sáng ban ngày và ánh sáng mặt trăng hoặc ánh sáng của màn hình ATM);
- Có khả năng ghi lại hình ảnh theo sự kiện và nhúng thông tin của giao dịch trên ảnh;
- Có phần mềm quản lý camera của ATM để thuận tiện cho việc tra cứu, tra soát;
- Có khả năng tìm kiếm file ảnh và video theo thông tin giao dịch, ví dụ thời gian giao dịch, mã số giao dịch, số thẻ...;

- Máy in hóa đơn:

- Là máy in nhiệt;
- Hỗ trợ việc cắt giấy theo điểm đánh dấu hoặc theo độ dài và được định nghĩa bởi Ngân hàng;
- Có các cảm biến trạng thái hóa đơn và hỗ trợ gửi thông tin cảnh báo trạng thái hóa đơn.

- Kết sắt an toàn:

- Đáp ứng tối thiểu tiêu chuẩn UL 291 safe hoặc CEN L safe;
- Mỗi ATM có chia khóa khoang kỹ thuật và khoá kết sắt riêng biệt với nhau và riêng biệt cho từng máy (chia khóa không dùng chung);
- Ưu tiên khoang kết sắt và khoang kỹ thuật phải tách rời;

- **Khay đựng tiền và khay đựng tiền dự phòng:**
 - Tối thiểu 04 khay đựng tiền và 01 khay tiền loại;
 - Số lượng tờ tiền: tối thiểu 2,500 tờ/ khay đối với khay đựng tiền; tối thiểu 250 tờ/khay với khay đựng tiền loại;
 - Công nghệ ép tiền: đảm bảo lực ép đều đặn lên tiền, giảm thiểu tình trạng tiền bị xô lệch gây kẹt tiền;
 - Ưu tiên sử dụng chung 1 loại khay đựng tiền và khay đựng tiền dự phòng cho tất cả các dòng máy cung cấp;
 - Ưu tiên có cảm biến cảnh báo khi gần hết tiền;
 - Ưu tiên các khay tiền phải có khóa an toàn và kẹp chì;
 - Ưu tiên khay tiền loại có 02 ngăn riêng biệt tách riêng tiền khách hàng bỏ quên và tiền loại
- **Bàn phím:**
 - EPP phiên bản mới nhất, mã hóa TripleDES;
 - Đáp ứng chuẩn bảo mật bàn phím PCI PTS mới nhất;
 - Đáp ứng tiêu chuẩn EMV;
 - Có cơ chế xóa thông tin khi bị xâm nhập;
 - Bàn phím bằng kim loại, chống rỉ sét, chống mờ các ký tự trên bàn phím theo thời gian.
 - Bàn phím nhập PIN có thiết bị che chắn, chống nhìn trộm.
- **Môi trường làm việc:**
 - Nhiệt độ: Máy hoạt động tốt trong điều kiện nhiệt độ $5^{\circ}\text{C}\sim 40^{\circ}\text{C}$ (trong nhà), $0^{\circ}\text{C}\sim 50^{\circ}\text{C}$ (ngoài nhà);
 - Độ ẩm: máy hoạt động tốt ở độ ẩm 20-80% (trong nhà) và 15-100% (ngoài nhà);
 - ATM đảm bảo hoạt động tốt trong điều kiện thời tiết nóng ẩm tại Việt Nam. Ưu tiên ATM hoạt động tốt trong các điều kiện đặc thù như: chịu mưa, nắng nóng chiếu trực tiếp, bụi than, không khí có độ ăn mòn cao;
 - Nguồn điện: AC 200-240 V/50-60Hz.
- **Các tính năng khác:**
 - Có tín hiệu cảnh báo theo sự kiện;
 - Thân vỏ máy: thân vỏ máy bằng thép, chịu được lực va đập cao;
 - ATM có chân đế;
 - Ưu tiên máy có khả năng phát hiện các thiết bị ngoại vi cài đặt không hợp lệ (cắm máy tính vào ATM, gắn đầu đọc thẻ giả mạo, bàn phím giả mạo...);

- Ưu tiên máy được thiết kế sẵn sàng cho việc mở rộng cho việc tích hợp thêm các thiết bị ngoại vi khác (nếu có) như đèn, camera...;
- Ưu tiên máy được thiết kế sẵn sàng cho việc tích hợp thêm các thiết bị đầu đọc vân tay, barcode... và có giải pháp kèm theo;
- Ưu tiên có hỗ trợ các chế độ báo động: Báo động khi bị đập phá, di dời...;
- Ưu tiên cung cấp dịch vụ trang trí vỏ máy theo yêu cầu thiết kế của Ngân hàng;

- Yêu cầu về thiết bị UPS

- UPS có công suất tối thiểu 1,5 KVA;
- UPS có khả năng cung cấp điện cho ATM hoạt động ít nhất 15 phút ở chế độ giao dịch sau khi bị mất điện;
- UPS có thể hoạt động trong điều kiện điện áp 110 – 300 VAC và tần số từ 45 – 60 Hz;
- Điện áp và cường độ dòng điện đầu ra của UPS phải đảm bảo cho yêu cầu tối đa và tối thiểu của thiết bị ATM chào bán cho SHB;
- Ưu tiên giải pháp UPS có khả năng khi mất điện, hệ thống cho phép ATM hoàn tất giao dịch cuối cùng đang thực hiện, trả thẻ cho khách hàng và tự động điều khiển tắt ATM; khi có điện trở lại, hệ thống có khả năng tự động bật ATM, UPS trở lại hoạt động bình thường;
- Ưu tiên UPS có kích thước nhỏ gọn và phù hợp, có thể đặt vừa trong khoang của ATM. Trường hợp UPS đặt ngoài, phải có đi kèm dây cắm đáp ứng yêu cầu lắp đặt của SHB.

B.3. Lắp đặt và triển khai.

- Nhà thầu đóng vai trò tích hợp hệ thống, chủ trì và phối hợp với hãng sản xuất liên quan tới các sản phẩm trong gói thầu để thực hiện lắp đặt, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số theo đúng yêu cầu kỹ thuật của SHB đưa ra, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu hoạt động thông suốt trên toàn hệ thống;
- Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp với Nhà thầu giải pháp Chuyển mạch tài chính và quản lý thẻ SmartVista, với các đối tác của Ngân hàng trong quá trình triển khai hệ thống;
- Hỗ trợ và cung cấp đầy đủ các giấy tờ, thủ tục giúp SHB hoàn thành việc lấy chứng nhận của tổ chức thẻ trong nước và quốc tế mà SHB tham gia làm thành viên cho dòng sản phẩm thiết bị cung cấp;
- Dịch vụ triển khai chính hãng hoặc có ủy quyền của hãng sản xuất (cung cấp giấy tờ chứng minh).
- Đề nghị nhà thầu cung cấp quy trình, kế hoạch triển khai cụ thể

B.4. Đào tạo và chuyển giao.

- Nhà thầu có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho cán bộ kỹ thuật của SHB, đảm bảo có thể vận hành được hệ thống ATM một cách thành thạo;
- Nhà thầu phải cung cấp các khóa học trong hoặc ngoài nước cho các cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ của SHB nhằm đảm bảo các cán bộ này phải có các kiến thức về hệ thống ATM, có khả năng quản

lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống một cách thành thạo và có thể lập các phương án mở rộng, tích hợp với các hệ thống và ứng dụng khác;

- Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng và cung cấp các tài liệu (bản cứng và bản mềm) mô tả chi tiết cách thức đấu nối, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh hệ thống và hướng dẫn sử dụng kỹ thuật (các quy trình vận hành, quản trị, xử lý sự cố...);
- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu hướng dẫn sử dụng cho các cán bộ nghiệp vụ, cán bộ chuyên trách của Ngân hàng, đặc biệt là các khuyến cáo trong quá trình vận hành, tiếp quỹ ATM. đảm bảo ATM có thể hoạt động với hiệu suất tốt nhất;
- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp công cụ (tools) hỗ trợ kiểm tra (test) các thiết bị phần cứng để xác định nguyên nhân lỗi và các tài liệu (bản cứng và bản mềm) và hướng dẫn sử dụng;
- Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các bản mã lỗi của thiết bị (error code);
- Giảng viên phải là chuyên gia có bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực đào tạo liên quan.

B.5. Kiểm tra, bàn giao và nghiệm thu

1. Kiểm tra

- Kiểm tra và bàn giao sơ bộ
 - Hai bên kiểm tra sơ bộ hàng hóa tại kho của Nhà thầu;
 - Nội dung kiểm tra:
 - Trang thiết bị nhập khẩu phải nguyên đai, nguyên kiện
 - Kiểm tra danh mục, số lượng, chủng loại, xuất xứ hàng hóa, đặc tính kỹ thuật được liệt kê – Yêu cầu kỹ thuật của Thư mời dự thầu này;
 - Hai bên lập Biên bản xác nhận kết quả kiểm tra và các mã thiết bị (serial) đã được kiểm tra.
- Kiểm tra và bàn giao tại địa điểm triển khai
 - Nhà thầu hoàn thành lắp đặt, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số;
 - Nhà thầu bàn giao chìa khóa các thiết bị ATM tại địa điểm triển khai;
 - Nhà thầu bàn giao bản quyền sử dụng, tài liệu gốc kèm theo thiết bị, giấy bảo hành;
 - Hai bên lập Biên bản xác nhận kết quả kiểm tra và bàn giao cho từng thiết bị tại địa điểm triển khai;

2. Nghiệm thu

- SHB sẽ tiến hành nghiệm thu sau khi toàn bộ hệ thống ATM đã hoàn thành vận hành thử nghiệm và được đưa vào vận hành chính thức trên toàn hệ thống, đáp ứng đúng, đầy đủ các yêu cầu của SHB và được SHB xác nhận bằng biên bản nghiệm thu tổng thể.

B.6. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì.

- Nhà thầu có lợi thế nếu là đại diện của hãng cung cấp ATM tại Việt Nam và toàn bộ công tác bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện bởi các kỹ sư của hãng cung cấp ATM

- Nhà thầu cung cấp bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho toàn bộ các hành hóa cung cấp trong gói thầu (bao gồm ATM, khay tiền, UPS và các thiết bị khuyến mại đi kèm (nếu có))
- Thời gian bảo hành tối thiểu theo quy chuẩn của Nhà sản xuất nhưng **không dưới 36 tháng** kể từ thời điểm 2 bên ký biên bản nghiệm thu tổng thể hệ thống. Hệ thống phải được bảo hành, bảo trì bởi một Trung tâm bảo hành của Nhà sản xuất hoặc được ủy quyền bởi Nhà sản xuất tại Việt Nam; Trong thời gian bảo hành, toàn bộ các máy ATM trong gói thầu sẽ được bảo trì định kỳ 4 lần/12 tháng trong suốt thời gian bảo hành 36 tháng.
- Thời gian khắc phục sự cố tối đa là 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu của SHB đối với các ATM đặt tại khu vực có trung tâm bảo hành của Nhà thầu và không quá 24 giờ đối với các khu vực khác;
- Đối với thiết bị phần cứng phát sinh lỗi, Nhà thầu phải có thiết bị/linh kiện/cấu phần thay thế tạm thời nếu không xử lý được. Trường hợp các thiết bị phần cứng phải mang đi bảo hành thì thời hạn hoàn trả thiết bị tối đa là 30 ngày. Quá thời hạn này, nếu lỗi của thiết bị chưa được xử lý xong và chưa hoàn trả cho SHB thì Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế thiết bị ATM mới 100% với cấu hình, chức năng tối thiểu tương đương và tương thích với hệ thống sẵn có của SHB;
- Thiết bị/linh kiện/cấu phần thay thế là các thiết bị/linh kiện/cấu phần mới 100%, chưa qua sử dụng và hàng hóa thay thế phải có cùng nguồn gốc xuất xứ như thiết bị lỗi phải thay thế trên ATM;
- Đối với mỗi lỗi phát sinh, nhà thầu có trách nhiệm thay thế thiết bị, nâng cấp, cập nhật chỉnh sửa khắc phục sự cố; Nếu quá 3 lần liên tiếp thay thế thiết bị, nâng cấp, cập nhật chỉnh sửa khắc phục sự cố hoặc thời gian kể từ khi tiếp nhận khắc phục sự cố quá 03 tháng mà sự cố đó không được khắc phục triệt để, Nhà Thầu có trách nhiệm thay thế ATM gặp sự cố bằng một ATM mới 100%, có cấu hình, chức năng tối thiểu tương đương, tương thích với hệ thống sẵn có của SHB và là loại thiết bị ATM không gặp hiện tượng tương tự như ATM đã gặp sự cố;
- Trường hợp Nhà Thầu phải cung cấp ATM mới thay thế thì toàn bộ chi phí cho việc thay thế, vận chuyển do Nhà Thầu chịu trách nhiệm;
- Địa điểm bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tại nơi lắp đặt ATM;
- Nhà thầu phải cung cấp quy trình bảo hành bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật áp dụng cho SHB trong Hồ sơ dự thầu.

PHẦN III
TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI
CHƯƠNG V

YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

a. **Phương thức thanh toán:** Chuyển khoản vào tài khoản quy định trong Hợp đồng của Bên bán.

b. **Bảng chào giá chi tiết:**

Nhà thầu chào giá chi tiết, mô tả các thông tin cơ bản về nhãn hiệu, model, năm sản xuất, cấu hình kỹ thuật, thời gian bảo hành, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế VAT, tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT, chi tiết theo bảng dưới đây:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, model...	ĐVT	Số lượng	Đơn giá VNĐ	Thành tiền VNĐ	Tiến độ giao máy ATM
1	Máy ATM để sảnh , tiếp tiền cửa trước.	Chiếc	20			
2	Máy ATM loại xuyên tường (loại máy tiếp tiền cửa sau)	Chiếc	10			
3	Bộ lưu điện – UPS dùng cho máy ATM	Chiếc	30			
4	Bộ khay tiền dự phòng máy ATM	Bộ	30			
	Cộng					
	Thuế VAT					
	Tổng giá trị đã bao gồm VAT					

c. **Điều kiện giao hàng:**

1. **Thời gian :** Hàng hóa được giao chậm nhất 8-10 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.

2. **Địa điểm :** Giao hàng tại các địa điểm theo yêu cầu của SHB.

d. **Điều kiện thanh toán, Bảo hành, và cam kết của nhà thầu**

1. **Phương thức thanh toán:** chia 04 đợt

- Đợt 1: Tạm ứng 30% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Đợt 2: Thanh toán 40% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản bàn giao sơ bộ máy ATM địa điểm do SHB chỉ định.
- Đợt 3: Thanh toán 25% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản xác nhận hoàn thành nghiệm thu tổng thể.
- Đợt 4: Thanh toán 5% sau khi các máy ATM hết hạn bảo hành.

2. **Bảo hành:** Thời gian bảo hành là 36 tháng cho toàn bộ các thiết bị cung cấp cho SHB.

3. **Các cam kết của Nhà thầu.**

- Cam kết của Nhà thầu về xuất xứ hàng hóa cung cấp;
- Cam kết dịch vụ triển khai hệ thống ATM đáp ứng đúng và đầy đủ các yêu cầu do SHB đưa ra;
- Cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng và phần mềm cung cấp đáp ứng đúng và đầy đủ các yêu cầu do SHB đưa ra;
- Cam kết cung cấp bản quyền của các phần mềm đi kèm máy ATM;
- Cam kết cung cấp các giấy tờ, tích hợp, chỉnh sửa hoặc nâng cấp chương trình phần mềm miễn phí khi triển khai chấp nhận thẻ Chip theo chuẩn EMV khi có yêu cầu từ SHB;
- Cam kết cung cấp các bản cập nhật, nâng cấp hoặc phiên bản phần mềm mới miễn phí cho các phần mềm đã hết hạn sử dụng theo quy định của các tổ chức thẻ quốc tế mà SHB tham gia làm thành viên;
- Cam kết hỗ trợ và cung cấp các bản cập nhật, nâng cấp hoặc phiên bản phần mềm mới miễn phí cho các phần mềm đã hết hạn sử dụng hoặc đáp ứng các tiêu chuẩn mới theo quy định PCI DSS;
- Cam kết cung cấp các bản cập nhật, nâng cấp hoặc phiên bản hệ điều hành mới miễn phí khi đã hết hạn sử dụng theo quy định của Microsoft;
- Cam kết các địa điểm bảo hành nhà thầu đề xuất trong Hồ sơ dự thầu có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật chính hãng;
- Cam kết cung cấp các tài liệu và công cụ hỗ trợ:
 - o Tài liệu cơ chế hoạt động và vận hành của thiết bị;
 - o Tài liệu các thông số kỹ thuật thiết kế tiêu chuẩn của thiết bị đảm bảo vận hành bình thường;
 - o Công cụ hỗ trợ tra soát;
 - o Công cụ kiểm tra lỗi thiết bị.
- Cam kết dự phòng đủ số lượng thiết bị spare part chính hãng (tối thiểu 10% trên tổng số thiết bị của gói thầu) nhằm đảm bảo việc tiến hành bảo hành, bảo trì thiết bị cung cấp trong suốt thời gian bảo hành bảo trì của gói thầu;
- Cam kết cung cấp và dự phòng đủ số lượng nhân sự được đào tạo chính hãng và có chứng chỉ bằng cấp tương ứng phục vụ cho quá trình bảo hành bảo trì, trong trường hợp thay thế nhân sự phải có thông báo trước tới ngân hàng và cam kết nhân sự thay thế phải đáp ứng được yêu cầu của việc bảo hành bảo trì
- Cam kết chỉnh sửa dứt điểm các lỗi (nếu có phát sinh) trong quá trình vận hành, đảm bảo không phát sinh các lỗi lặp đi lặp lại trên diện rộng hoặc quá 03 lần/ tháng.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Chu Trì